

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá theo tiêu chí trường nghề chất lượng cao

1. Mục tiêu tự đánh giá:

- Đánh giá mức độ đạt được của nhà trường theo các tiêu chí trường chất lượng cao nhằm giúp Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xây dựng phương án, lộ trình đầu tư và nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện Thông tư quy định chi tiết về tiêu chí, cách thức, quy trình đánh giá, công nhận trường nghề chất lượng cao.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí trường chất lượng cao.

2. Nhiệm vụ chung

2.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá, trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- Hướng dẫn các đơn vị trong trường thực hiện báo cáo số liệu theo các biểu mẫu hướng dẫn và viết báo cáo đánh giá.
- Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí.
- Đưa ra các giải pháp trường đang thực hiện và đề xuất, kiến nghị nhu cầu đầu tư để đạt được các tiêu chí.
- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả đánh giá, trình Hiệu trưởng phê duyệt và gửi TCGDNN.
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ đoàn đánh giá ngoài của TCGDNN tại nhà trường.

2.2. Đối với các đơn vị thuộc trường

- Thực hiện báo cáo số liệu, viết báo cáo đánh giá theo sự phân công trong kế hoạch (Có mẫu biểu, mẫu báo cáo kèm theo).
- Phối hợp với các đơn vị liên quan khi có yêu cầu về việc cung cấp số liệu, hồ sơ, minh chứng.
- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

3. Phân công các đơn vị thuộc trường thực hiện đánh giá theo các nội dung.

TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung đánh giá	Sản phẩm
1	Phòng Tuyển sinh - Đào tạo	Tiêu chuẩn 1.1. Quy mô đào tạo tối thiểu là 2.000 HSSV học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (tính theo số người học quy đổi). Tiêu chuẩn 1.2. Ít nhất 50% HSSV học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (tính theo số HSSV quy đổi) học các nghề trọng điểm. Tiêu chuẩn 1.4. HSSV nghề trọng điểm quốc gia đạt chuẩn kỹ năng sử dụng <u>công nghệ thông tin nâng cao</u> theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông. Tiêu chuẩn 1.5. HSSV nghề trọng điểm quốc tế đạt chuẩn trình độ tin học quốc tế theo chương trình chuyển giao từ nước ngoài. Tiêu chuẩn 1.6. HSSV nghề trọng điểm đạt trình độ ngoại ngữ B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương. Tiêu chuẩn 2.3. Tỷ lệ thời gian đào tạo thực hành cao (ít nhất <u>60%</u> tổng thời gian đào tạo), nội dung thực hành gắn với môi trường làm việc thực tế; Tiêu chuẩn 2.6. Doanh nghiệp /Hiệp hội nghề nghiệp tham gia vào các hoạt động: xây dựng chương trình đào tạo; xây dựng chuẩn đầu ra; đánh giá và cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của người học. Tiêu chuẩn 2.7. Thực hiện đào tạo hợp tác theo đúng chương trình/kế hoạch tại trường và tại doanh nghiệp. Tiêu chuẩn 2.8. Trường thực hiện hợp tác/trao đổi kiến thức thường xuyên	- Báo cáo đánh giá của các nội dung; - Biểu 01: Quy mô đào tạo. - Biểu 03: Công nhận văn bằng, chứng chỉ của nghề trọng điểm. - Biểu 06: Cơ sở vật chất (<i>chỉ báo cáo phần phòng học và thư viện</i>) - Biểu 08: Giáo trình đào tạo - Biểu 9.3: Chương trình đào tạo nghề trọng điểm được số hóa và mô phỏng hóa theo các công nghệ phần mềm thế giới.

TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung đánh giá	Sản phẩm
		với các cán bộ đào tạo của doanh nghiệp (bao gồm cả kiến thức về sư phạm) đối với nghề đào tạo tại trường và tại doanh nghiệp. Tiêu chuẩn 4.1: Trường xây dựng chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo của trường; Tiêu chuẩn 4.2. Chương trình đào tạo nghề trọng điểm quốc tế áp dụng tiêu chuẩn của chương trình chuyển giao từ các nước khu vực ASEAN-4 và các nước phát triển thuộc nhóm G20. Tiêu chuẩn 4.3. Chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài giảng của 100% mô-đun, mô học của các chương trình đào tạo các nghề trọng điểm được số hóa. Tiêu chuẩn 4.4. Các chương trình đào tạo các nghề trọng điểm sử dụng phần mềm mô phỏng thực hành nghề đáp ứng yêu cầu giảng dạy.	
2	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Tiêu chuẩn 1.3. Trên 90% HSSV nghề trọng điểm được đánh giá đạt tốt nghiệp hàng năm theo ngân hàng đề thi chung; Tiêu chuẩn 5.2. Trường có ít nhất 05 kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Tiêu chuẩn 5.3. Hàng năm, Trường có kế hoạch và thực hiện các hoạt động quản lý/dảm bảo chất lượng nội bộ (Khảo sát lấy ý kiến các đối tượng liên quan đến hoạt động đào tạo; nghiên cứu lần vết; đánh giá các quy trình quản lý chất lượng; dự giờ). Tiêu chuẩn 5.4. Các kết quả từ việc thực hiện các hoạt động quản lý chất lượng được sử dụng hàng năm để nâng cao chất lượng đào tạo.	- Báo cáo đánh giá của các nội dung.

TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung đánh giá	Sản phẩm
3	Phòng Tổ chức - Hành chính – Tổng hợp	Tiêu chuẩn 2.10. Cung cấp các khóa bồi dưỡng cho nhà giáo để nâng cao kỹ năng nghề. Tiêu chuẩn 3.1. Đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông hoặc tương đương. Tiêu chuẩn 3.2. Nhà giáo dạy nghề trọng điểm quốc tế đạt chuẩn trình độ tin học quốc tế (MOS, IC3, ...) hoặc đạt chuẩn theo chương trình chuyển giao. Tiêu chuẩn 3.3. Đội ngũ nhà giáo đạt trình độ ngoại ngữ B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương. Tiêu chuẩn 3.4. Nhà giáo dạy các nghề trọng điểm đạt trình độ ngoại ngữ B2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương. Tiêu chuẩn 3.5. Đội ngũ nhà giáo dạy chuyên ngành có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp/khu vực kinh tế, kỹ thuật ở các lĩnh vực nghề liên quan. Tiêu chuẩn 3.6. Nhà giáo dạy chuyên ngành tham gia thực tập/bồi dưỡng/thăm quan tại các doanh nghiệp theo quy định và tối thiểu 03 tuần một năm để cập nhật kiến thức/kỹ năng/công nghệ tiên tiến. Tiêu chuẩn 3.7. Nhà giáo dạy thực hành có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 trở lên.	- Báo cáo đánh giá của các nội dung. - Biểu 5.1: Số lượng giáo viên, giảng viên theo nghề. - Biểu 5.2: Số lượng giáo viên, giảng viên theo khoa. - Biểu 5.3: Chuẩn giáo viên, giảng viên. - Biểu 5.4: Danh sách trích ngang giáo viên, giảng viên. - Biểu 9.1: Nghiệp vụ quản lý dạy nghề của cán bộ quản lý. - Biểu 9.2: Tin học hóa các hoạt động quản lý của trường.

TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung đánh giá	Sản phẩm
		Tiêu chuẩn 3.8. Nhà giáo dạy các nghề trọng điểm quốc tế có chứng chỉ sư phạm/chứng chỉ kỹ năng nghề/chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng do tổ chức quốc tế cấp. Tiêu chuẩn 3.9. Tỷ lệ nhà giáo có trình độ thạc sỹ trở lên ít nhất là 70%. Tiêu chuẩn 3.10. Trường có ít nhất 05 nhà giáo là đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia và có nhà giáo là đánh giá viên kỹ năng nghề quốc tế. Tiêu chuẩn 5.1. Trường có chiến lược phát triển trường và kế hoạch trong 5 năm với các nguồn tài chính dự kiến đủ để triển khai các hoạt động, bù đắp cho các chi phí hiện tại cũng như dự phòng để tái đầu tư; Tiêu chuẩn 5.5. Các hoạt động quản lý văn bản; quản lý đào tạo (quản lý chương trình đào tạo, môn học, học sinh, điểm...), quản lý thư viện; kế toán; quản lý tài sản; quản lý cán bộ, giáo viên, giảng viên của trường nghề có sử dụng phần mềm phục vụ hiệu quả yêu cầu công việc (không tính phần mềm word, excel). Tiêu chuẩn 5.6. Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường có chứng chỉ/bằng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp/quản lý trường học hoặc có kinh nghiệm làm việc tại vị trí tương đương. Tiêu chuẩn 5.7. Hiệu trưởng có chứng chỉ đào tạo/bồi dưỡng quản lý giáo dục/giáo dục nghề nghiệp do tổ chức quốc tế cấp;	
4	Phòng Quản trị - Dịch vụ	Tiêu chuẩn 4.5. Diện tích đất sử dụng tối thiểu 50.000 m2, trong đó bảo đảm diện tích phòng học, xưởng dùng cho	- Báo cáo đánh giá của các nội dung. - Biểu 06: Cơ sở vật chất

TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung đánh giá	Sản phẩm
		học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 7,5 m²/chỗ học; diện tích phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ bảo đảm ít nhất bình quân 8 m²/người. Tiêu chuẩn 4.6. Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo để hình thành 3 kỹ năng: kỹ năng cơ bản chung của lĩnh vực nghề, kỹ năng chuyên môn nghề, kỹ năng tổng thể trong điều kiện làm việc thực tế.	
5	Phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên	Tiêu chuẩn 1.7. Có các dịch vụ hỗ trợ HSSV (nhà ăn, khu thể thao, ký túc xá, thư viện, y tế), đáp ứng nhu cầu của HSSV. Tiêu chuẩn 1.8. Có và thường xuyên thực hiện các hoạt động khuyến khích, hỗ trợ HSSV.	- Báo cáo đánh giá của các nội dung. - Biểu 06: Cơ sở vật chất (chỉ báo cáo phần KTX)
6	Phòng Thiết bị - Vật tư	Tiêu chuẩn 4.7. Thiết bị đào tạo các nghề trọng điểm phù hợp với công nghệ hiện đại áp dụng tại doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động. Tiêu chuẩn 4.8. Trường thực hiện quản lý, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị theo đúng quy trình chuẩn. Tiêu chuẩn 4.9. Trường có và sử dụng hiệu quả trang thiết bị an toàn.	- Báo cáo đánh giá các nội dung. - Biểu 7.1: Thiết bị đào tạo theo từng chương trình đào tạo - Biểu 7.2: Thiết bị đào tạo sử dụng chung. - Biểu 7.3: Tổng hợp nhu cầu thiết bị đào tạo
7	Phòng Quản lý khoa học – Hợp tác quốc tế	Tiêu chuẩn 2.9. Cung cấp, tổ chức các khóa đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tiêu chuẩn 2.11. Cung cấp các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn cho cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác về tổ chức đào tạo hợp tác.	

TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung đánh giá	Sản phẩm
		Tiêu chuẩn 5.8. Hàng năm có các chuyên gia phương pháp đào tạo, quản lý chất lượng và nghiên cứu ứng dụng đổi mới trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đến trường để chia sẻ/trao đổi kinh nghiệm. Tiêu chuẩn 5.9. Trường thực hiện các nghiên cứu ứng dụng, các dự án thí điểm về đào tạo (khóa đào tạo mới; hình thức, nội dung, phương pháp đào tạo mới; đào tạo theo mô – đun/tín chỉ, đào tạo hợp tác với doanh nghiệp...). Tiêu chuẩn 5.10. Thường xuyên hợp tác/trao đổi nội dung liên quan đến đào tạo với các cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp/tổ chức đào tạo quốc tế. Tiêu chuẩn 5.11. Thành viên của mạng lưới nghề nghiệp/hiệp hội nghề nghiệp quốc tế.	
8	Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp	Tiêu chuẩn 2.1. 80% HSSV trong vòng 1 năm sau tốt nghiệp có việc làm; trong đó: nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế đạt ít nhất 90%. Tiêu chuẩn 2.2. Ít nhất 75% doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động khẳng định trình độ của HSSV tốt nghiệp từ trường hiện đang làm việc tại doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc. Tiêu chuẩn 2.4. Hiện tại, trường đang hợp tác có hiệu quả với ít nhất 10 doanh nghiệp và tất cả các nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế của trường đều có hợp tác với ít nhất 01 doanh nghiệp. Tiêu chuẩn 2.5. Hợp/hội thảo trao đổi về đào tạo hợp tác ít nhất 2 lần một năm với doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề.	- Báo cáo đánh giá của các nội dung. - Biểu 02: Việc làm sau đào tạo.

4. Nội dung công việc - thời gian thực hiện

Thời gian	Công việc
Ngày 05/9/2017	Các thành viên hội đồng được phân công thực hiện hoàn thành các biểu mẫu, viết báo cáo theo mẫu
Ngày 06/9/2017	Các thành viên hội đồng nộp báo cáo, biểu mẫu, minh chứng khác kèm theo (<i>bản mềm + bản cứng có phê duyệt</i>) về phòng Khảo thí & ĐBCL, bản mềm gửi theo địa chỉ hòm thư khaothiltt@gmail.com
Ngày 07/9/2017	Ủy viên thư ký tổng hợp, viết báo cáo kết quả tự đánh giá, trình Hiệu trưởng phê duyệt.
Ngày 08/9/2017	Nộp báo cáo tự đánh giá cho TCGDNN

5. Phân công đơn vị và cá nhân phụ trách các nội dung đánh giá.

TT	Nội dung đánh giá	Đơn vị	Người phụ trách	Nhóm chuyên trách
1	Quy mô đào tạo, trình độ HSSV và dịch vụ hỗ trợ HSSV trong đào tạo	Phòng Tuyển sinh - Đào tạo và phòng Công tác chính trị - Học sinh Sinh viên	<i>Đinh Văn Đệ</i>	Hồ Văn Sĩ Hoàng Ngọc Cảnh Hà Phước Tuấn
2	Về Việc làm sau đào tạo Đào tạo gắn với nhu cầu người sử dụng lao động	Phòng Tuyển sinh - Đào tạo và trung tâm Quan hệ doanh nghiệp	<i>Đinh Văn Đệ</i>	Hồ Văn Sĩ Nguyễn Ngọc Phương Nguyễn Ngọc Trang
3	Đội ngũ nhà giáo	Phòng Tổ chức – Hành Chính – Tổng hợp	<i>Phạm Hữu Lộc</i>	Lê Xuân Thiện Nguyễn Thị Hoa
4	Chương trình đào tạo và Cơ sở vật chất, trang thiết bị	Phòng Tuyển sinh - Đào tạo, Phòng Quản trị - Dịch vụ và phòng Thiết bị - Vật tư	<i>Đinh Hồng Minh</i>	Hồ Văn Sĩ Lê Quang Liêm Lâm Viết Dũng
5	Quản trị nhà trường hiệu quả và hội nhập quốc tế	Phòng Tổ chức - Hành chính – Tổng hợp; phòng Khảo thí và	<i>Nguyễn Văn Dũng</i>	Lê Xuân Thiện Nguyễn Chí Nhân Nguyễn Ngọc Trang Hồ Văn Sĩ

TT	Nội dung đánh giá	Đơn vị	Người phụ trách	Nhóm chuyên trách
		Đảm bảo chất lượng; phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế; phòng Tuyển sinh – Đào tạo		

* **Yêu cầu chung:** Báo cáo kết quả tự đánh giá bắt buộc phải soạn thảo bằng phông chữ Times New Roman, Unicode, cỡ chữ 13 theo yêu cầu của TCGDNN.

6. Kinh phí đảm bảo

Kinh phí hoạt động tự đánh giá trích từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường.

7. Triển khai thực hiện

- Trường các đơn vị chủ động phân công người thực hiện trong đơn vị mình và phối hợp với các đơn vị liên quan khi có yêu cầu đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch; Các trưởng nhóm phụ trách các nhóm chuyên trách chủ động họp hàng tuần để kịp thời đôn đốc và khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện.

- Trường nhóm các nhóm chuyên trách báo cáo chủ tịch Hội đồng đánh giá trong các buổi họp giao ban tuần để kịp thời đôn đốc và khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện. / *ny*

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, P. KT-ĐBCL *ny*

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc